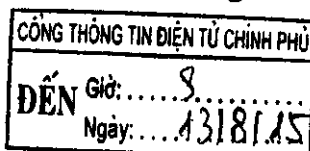


**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1549*/TTg-KTN  
V/v điều chỉnh quy hoạch  
phát triển các khu công nghiệp  
tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020

Hà Nội, ngày *12* tháng 8 năm 2015



Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 5348/BKHĐT-QLKKT ngày 03 tháng 8 năm 2015 về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng đến năm 2015, định hướng đến năm 2020, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau:

1. Đồng ý điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 như đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn nêu trên (Phụ lục kèm theo), cụ thể:

- Điều chỉnh giảm diện tích quy hoạch các khu công nghiệp: Phú Hội từ 174 ha xuống còn 109 ha; Lộc Sơn từ 185 ha xuống còn 183 ha và Tân Phú từ 415,49 ha xuống còn 328 ha;

- Đổi tên Khu công nghiệp Đô thị - Tân Phú thành Khu công nghiệp nông nghiệp Tân Phú.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng tổ chức thực hiện quy hoạch đã được duyệt; chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng quy hoạch chi tiết, thực hiện thủ tục đầu tư, thành lập khu công nghiệp theo từng giai đoạn phù hợp với khả năng thu hút đầu tư và trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các điều kiện và trình tự theo quy định./.

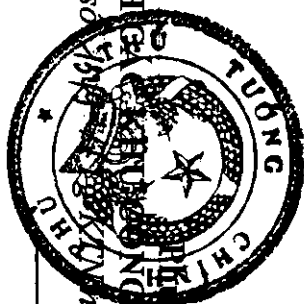
**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TTgCP, PTTg Hoàng Trung Hải;
- Các Bộ: TN&MT, CT, XD, QP, GTVT, NN&PTNT;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT,
- Các Vụ: TH, KTTH, V.III;
- Lưu: VT, KTN (3) Tr.T. *28*

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Hoàng Trung Hải**



**DANH MỤC QUY HOẠCH KINH DOANH NGHIỆP TỈNH LÂM DỒNG ĐẾN NĂM 2020**  
(Ban hành kèm theo Công văn số 159/UBND ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị : ha

| TT                                                                                                   | KCN                 | Diện tích quy hoạch | Tình hình thực tế                        |                                                      | Diện tích dự kiến quy hoạch thành lập đến 2020 (địa phương đề xuất) | Phương án điều chỉnh quy hoạch (Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất) |                                            |                                            |                                                                                   |  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                                                                                      |                     |                     | Diện tích thực tế đã thành lập/cấp GCNBT | Diện tích quy hoạch còn lại chưa thành lập/cấp GCNBT |                                                                     | Diện tích dự kiến quy hoạch đến 2020                           | Diện tích tăng so với quy hoạch được duyệt | Diện tích giảm so với quy hoạch được duyệt | Diện tích KCN dự kiến quy hoạch điều chỉnh, thành lập mới và mở rộng đến năm 2020 |  |
|                                                                                                      |                     | (1)                 | (2)                                      | (3)                                                  | (4)                                                                 | (5)                                                            | (6)                                        | (7)                                        | (8)                                                                               |  |
| I KCN được phê duyệt quy hoạch theo Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ |                     |                     |                                          |                                                      |                                                                     |                                                                |                                            |                                            |                                                                                   |  |
| 1                                                                                                    | Lộc Sơn             | 185                 | 185                                      | 0                                                    | 183                                                                 | 183                                                            | 0                                          | 02                                         | 183                                                                               |  |
| 2                                                                                                    | Phú Hội             | 174                 | 174                                      | 0                                                    | 109                                                                 | 109                                                            | 0                                          | 65                                         | 109                                                                               |  |
| 3                                                                                                    | nông nghiệp Tân Phú | 415,49              | 0                                        | 415                                                  | 328                                                                 | 328                                                            | 0                                          | 87,49                                      | 328                                                                               |  |
|                                                                                                      | Tổng cộng           | 774,49              | 359                                      | 415                                                  | 620                                                                 | 620                                                            | 0                                          | 154,49                                     | 620                                                                               |  |